TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 301/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-06-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thanh Nga.

2. Bà Đinh Kim Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà TTTT, sinh năm 1975 "có mặt".

Địa chỉ: 538/17 ĐVB, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông TVNL, sinh năm 1977 "vắng mặt".

Địa chỉ: 189I/32A TTT, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/06/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà TTTT trình bày: Bà và ông TVNL quen biết và chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 do Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2016). Trước khi sống chung với nhau, cả hai đều chưa ai có vợ, chồng hoặc chung sống với ai khác. Sau khi đăng ký kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống và tính tình không hòa hợp. Vì vậy, vào khoảng cuối năm 2021, bà TTTT có nộp đơn xin ly hôn với ông TVNL tại Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình giải quyết vụ án, ông

TVNL không đến Tòa án lần nào. Do đó, vào đầu năm 2022, bà TTTT đã rút đơn khởi kiện để mong muốn hàn gắn đoàn tụ cùng gia đình. Từ đó đến nay, mặc dù bà đã nhiều lần tìm cách cứu vãn cuộc sống hôn nhân để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, do hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 nên việc vợ chồng đoàn tụ cùng nhau là không thể thực hiện được cũng như mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Nay, bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông TVNL. Về con chung: Trong thời gian sống chung với ông TVNL, bà xác nhận có một con chung tên TML, sinh ngày 18/05/2016. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên TML cho đến khi trẻ thành niên. Bà TTTT không yêu cầu ông TVNL thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông TVNL mặc dù đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể Tòa án đã tống đạt các văn bản sau đây: Ngày 06/12/2022, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo thụ lý số 516/TB-TLVA và đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho ông TVNL nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý ông vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã triệu tập ông TVNL đến Tòa án để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 09/03/2023, lần thứ hai vào ngày 10/04/2023 nhưng ông TVNL đều vắng mặt không có lý do. Do đó trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của ông TVNL.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà TTTT có mặt.

- Bị đơn ông TVNL vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tiến hành theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà TTTT. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên TML, sinh ngày 18/05/2016 cho bà TTTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho đến khi trẻ thành niên. Bà TTTT không yêu cầu ông TVNL thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bà TTTT xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, bà TTTT khởi kiện ông TVNL về tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Xét, căn cứ kết quả xác minh của Tòa án tại Công an Phường 03, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung thể hiện "Đương sự TVNL, sinh năm 1977. Hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 189I/32A TTT, Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh". Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

1.3. Về quá trình tố tụng trong việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, ông TVNL không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến vụ án mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông tại nơi cư trú. Ngày 17/04/2023, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ như Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HNGĐ và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/05/2023 đối với ông TVNL nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 240/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/05/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/05/2023 về việc mở lại phiên tòa vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 09/06/2023.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà TTTT có mặt, bị đơn ông TVNL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 09/06/2023 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông TVNL theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016.

[2]. Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét yêu cầu ly hôn của bà TTTT:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nguyên đơn thì có cơ sở xác định: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà TTTT và ông TVNL tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 39 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2016. Do đó, hôn nhân giữa bà TTTT và ông TVNL được xác định là hợp pháp.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà TTTT và ông TVNL đã phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay cả hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Điều này là phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tại địa phương. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông TVNL không đến Tòa án lần nào và cũng không nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Điều này cho thấy ông TVNL không có thiện chí hòa giải cũng như hàn gắn đoàn tụ vợ chồng cùng với bà TTTT Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà TTTT và ông TVNL là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà TTTT là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung:

Căn cứ lời khai của các đương sự tại Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì có cơ sở khẳng định: Quá trình chung sống, bà TTTT và ông TVNL có một con chung tên TML, sinh ngày 18/05/2016. Ly hôn, bà TTTT yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung con chung tên TML cho đến khi trẻ thành niên. Bà TTTT không yêu cầu ông TVNL cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của bà TTTT thì trẻ TML, sinh ngày 18/05/2016 hiện đang do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Việc bà TTTT yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ được thể hiện tại bản tự khai ngày 27/12/2022 tại Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, khi tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng thì ông TVNL không có văn bản trình bày ý kiến, không nộp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án và cũng không đến Tòa án lần nào. Điều này cho thấy ông TVNL tự mình không thực hiện quyền trình bày và nghĩa vụ cung cấp các chứng cứ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà TTTT về việc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi trẻ thành niên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về mức cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà TTTT xác định không yêu cầu ông TVNL cấp dưỡng tiền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà TTTT xác định không có tài sản chung cũng như nợ chung giữa bà và ông TVNL. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Về hôn nhân: Bà TTTT được ly hôn với ông TVNL (Giấy chứng nhận kết hôn số 39 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/09/2016).

1.2. Về con chung: Giao con chung tên TML, sinh ngày 18/05/2016 cho bà TTTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trẻ thành niên. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông TVNL do bà TTTT không yêu cầu.

Ông TVNL có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà TTTT xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà TTTT phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0009294 ngày 27/10/2022 Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà TTTT đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Đoàn Thanh Trúc